

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-PT

Ngày 19-4-2021

“V/v tranh chấp hoàn trả tài sản của Nhà nước”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thắng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Ông Nguyễn Hồng Ánh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLPT-DS ngày 25/01/2021 về việc *“Tranh chấp hoàn trả tài sản của Nhà nước”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS - ST ngày 04/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐ-PT ngày 06/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí**; địa chỉ: Số 3, Tr, phường Th, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Mạnh H** - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí.

Người đại diện theo ủy quyền; Ông Nguyễn Phúc Q- Phó giám đốc Ban quản lý di tích và Rừng quốc gia Yên Tử; có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L** và ông **Đỗ Quang Ch**; cùng địa chỉ: Tổ 11, khu 2, phường , tỉnh Quảng Ninh; Bà L ủy quyền cho ông Ch tham gia tố tụng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Lê Cao L1**, luật sư Công ty luật T; địa chỉ: Số 258 đường Ng, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Bộ Giao thông vận tải**.

Địa chỉ: Số 80 Tr, quận H, Thành phố Hà Nội Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Th** – Chức vụ: Giám đốc Ban quản lý dự án 2; địa chỉ: Số 18 đường Ph, phường M, quận C, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Đỗ Quang Ch và bà Nguyễn Thị L

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Năm 2011, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh được giao nhiệm vụ chủ đầu tư Tiểu dự án giải phóng mặt bằng (GPMB) thuộc dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn Uông Bí - Hạ Long theo hình thức BOT tại Quyết định số 996/QĐ-BGTVT ngày 17/5/2011 của Bộ giao thông vận tải. Ngày 02/6/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí làm chủ đầu tư đối với Tiểu dự án này (đối với phần dự án đi qua địa phận thành phố Uông Bí) 2011 theo Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 02/6/2011. UBND tỉnh Quảng Ninh đã ra Quyết định phê duyệt số 3424/QĐ-UBND về dự toán bồi thường, hỗ trợ trong phương án tổng thể về bồi thường và hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18A theo hình thức BOT là 1.200.000.000đ (gồm thành phố Hạ Long, thành phố Uông Bí và thị xã Quảng Yên), trong đó thành phố Uông Bí được duyệt dự toán 430.000.000.000đ.

Sau khi được giao là Chủ đầu tư Tiểu dự án trên, UBND thành phố Uông Bí đã giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện nhiệm vụ GPMB theo quy định của pháp luật. Công tác GPMB đã được tiến hành đối với hộ bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Quang Chnhư sau:

Thửa đất hộ bà L - ông Ch đang sử dụng là thửa đất số 144, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Tổ 11, khu 2, phường Trung V, thành phố U; diện tích đất 68m², Trên đất có một ngôi nhà 02 tầng diện tích xây dựng 66,3m². Xác định phần đất bị chiếm dụng GPMB là 05m².

Theo chỉ giới GPMB thì diện tích chiếm dụng vào vị trí đất ở của hộ bà L chỉ có 05m². Đối với căn nhà của ông bà xây dựng từ năm 1998, tường chịu lực, chiều sâu nhà 12,85m. Toàn bộ cầu thang, phòng khách, công trình phụ đều nằm ở phần chịu lực gần nhất, đồng thời do nhà được xây dựng từ lâu nên kết cấu không chắc, có hiện tượng nứt nhẹ vì vậy nếu chỉ đền bù phần chịu lực gần nhất và hoàn mặt đứng của ngôi nhà thì mất toàn bộ cầu thang và phòng khách đồng thời không đảm bảo an toàn khi sử dụng. Hộ bà L khi đó có ý kiến được đền bù hết nhà mới đồng thuận trong công tác giải phóng mặt bằng và đề nghị được tái định cư tại chỗ nên bà L đã có Đơn đề nghị đền bù toàn bộ nhà. Được sự chỉ đạo của Ban thường vụ Thành ủy Uông Bí, UBND thành phố Uông Bí đã thực hiện các thủ tục, hồ sơ để tiến hành đền bù cho các hộ dân theo phương án trên.

Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố tiến hành kiểm đếm, lập phương án bồi thường hỗ trợ cho hộ gia đình bà L và tham mưu UBND thành phố ban hành các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường theo đúng quy trình. UBND TP Uông Bí đã ban hành các Quyết định sau:

- Quyết định số **679/QĐ-UBND ngày 25/02/2013** v/v thu hồi đất ở, đất vườn liền kề đất ở, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nông nghiệp trồng cây lâu năm và các loại đất khác để GPMB thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn qua địa phận thành phố Uông Bí. Đợt 5. Trung Vương) (sau đây gọi tắt là

Quyết định số 679). Theo Quyết định này, hộ bà L - ông Ch bị thu hồi 05m² (đất vườn liền kề đất ở).

- Quyết định số **681/QĐ-UBND ngày 26/02/2013** v/v *phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án: cải tạo, nâng cấp quốc lộ đoạn qua địa phận thành phố Uông Bí (Đợt 6 - phường Trung Vương)* (sau đây gọi tắt là Quyết định số 681). Theo Quyết định này, hộ bà L - ông Ch được bồi thường 56.250.000đ tiền đất; bồi thường tiền vật kiến trúc (toàn bộ ngôi nhà) là 859.588.357đ; các khoản hỗ trợ 72.620.000đ. Tổng cộng là 988.458.357đ.

- Quyết định số **819/QĐ-UBND ngày 07/3/2013** v/v *phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 18 đoạn qua địa phận thành phố Uông Bí (Đợt 9 - phường Trung Vương)* (sau đây gọi tắt là Quyết định số 819). Theo Quyết định này, hộ bà L - ông Ch được bồi thường hỗ trợ tiền đất 83.820.320đ, vật kiến trúc 861.773.227đ, các khoản hỗ trợ 74.982.500đ, các khoản khấu trừ 988.458.357đ. Tổng cộng 32.117.740đ.

Như vậy, theo 02 Quyết định số 681 và 819, hộ bà L - ông Ch được bồi thường tổng số tiền là **1.020.576.000đ**.

Ngày 08/3/2013, hộ gia đình ông bà đã nhận đủ số tiền trên và cam kết tháo dỡ toàn bộ ngôi nhà (là phần kiến trúc đã được bồi thường nằm ngoài chỉ giới GPMB dự án), bàn giao mặt bằng cho dự án. Tuy nhiên, sau khi nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ, hộ gia đình bà L không tự phá dỡ phần công trình nêu trên mà tự ý cải tạo, sửa chữa để tiếp tục ở cho đến nay.

Do vậy, ngày 28/02/2014, UBND TP Uông Bí ban hành Quyết định số **763/QĐ-UBND** v/v *phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn qua địa phận thành phố Uông Bí của hộ gia đình bà Nguyễn Thị L(Ch) cư trú tại khu 2, phường Trung Vương* (sau đây gọi tắt là Quyết định số 763). Theo Quyết định này, hộ bà L - ông Ch chỉ được bồi thường là 281.339.509đ, chi phí phục vụ công tác bồi thường GPMB là 11.253.580đ. Tổng cộng là 292.593.089đ. Quyết định này lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo khối lượng công trình phá dỡ và sửa chữa thực tế của hộ ông bà và thay thế Quyết định số 681 đã nêu ở trên.

Vì lý do nêu trên, để đảm bảo thực hiện đúng quy trình bồi thường, GPMB, UBND thành phố Uông Bí đã ban hành **Quyết định số 2659/QĐ-UBND ngày 04/6/2014** về việc thu hồi tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 18, đoạn địa phận TP Uông Bí của hộ gia đình bà L - ông Ch (sau đây gọi tắt là Quyết định số 2659).

Theo Quyết định số 2659, số tiền hộ bà L - ông Ch phải thu nộp Ngân sách nhà nước là **739.236.600đ** (bảy trăm ba mươi chín triệu, hai trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm đồng). Số tiền này là khoản chênh lệch giữa phương án bồi thường, hỗ trợ được lập cho việc phá dỡ toàn bộ nhà và vật kiến trúc (được phê duyệt tại Quyết định số 681 và Quyết định số 819) với phương án bồi thường, hỗ trợ đã được lập theo khối lượng công trình phá dỡ và sửa chữa thực tế (được phê duyệt tại

Quyết định số 763). Tuy nhiên đến nay, mặc dù đã nhiều lần tuyên truyền vận động nhưng hộ gia đình bà L không nộp số tiền trên vào Ngân sách Nhà nước.

Đến tháng 6/2018, dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn qua Uông Bí - Hạ Long đã được nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng và thực hiện thu phí hoàn vốn từ ngày 19/10/2014. Ngày 06/6/2018 UBND TP Uông Bí có Quyết định số 3288/QĐ-UBND v/v phê duyệt quyết toán Tiểu dự án GPMB thuộc dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn qua thành phố Uông Bí - Hạ Long theo hình thức BOT (đoạn qua địa bàn thành phố Uông Bí). Theo đó, giá trị quyết toán được duyệt từ Ngân sách TW là 413.628.329.733đ, đã thanh toán đến ngày 06/6/2018 là 410.728.732.014. UBND TP Uông Bí còn phải thu hồi hoàn trả vốn ứng Ngân sách TW là 3.734.997đ (là số tiền đã bồi thường cho 04 hộ dân phường Trưng Vương mà chưa thu hồi lại được, trong đó số tiền cần phải thu hồi của hộ bà L - ông Ch là 739.236.600đ).

Ngày 04/11/2019, UBND tỉnh Quảng Ninh đã có Công văn số 7983/UBND-TM2 về việc: “Vốn giải phóng mặt bằng dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn Uông Bí - Hạ Long theo hình thức Hợp đồng BOT”, trong đó yêu cầu UBND thành phố Uông Bí phải thu hồi số vốn nêu trên để hoàn trả Ngân sách Trung ương. Ngày 20/11/2019 và ngày 05/3/2020, UBND thành phố đã nộp lại toàn bộ số tiền trên vào Ngân sách TW.

Vì vậy, UBND TP Uông Bí khởi kiện hộ ông bà L - Ch phải hoàn trả Ngân sách nhà nước số tiền **739.236.600đ**.

Ý kiến của bị đơn (bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Quang Ch):

Ông, bà thừa nhận việc đã nhận toàn bộ tiền bồi thường, GPMB với tổng số tiền là **1.020.576.000đ**, bao gồm cả bồi thường về đất và công trình kiến trúc (nhà). Số tiền trên do bà L trực tiếp nhận tại Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Uông Bí. Sau khi nhận tiền ông bà đã cùng sử dụng hết vào việc gia đình, không ai khác sử dụng số tiền trên.

Bà L trình bày: Bà đại diện gia đình ký kết các văn bản trong quá trình thực hiện việc bồi thường, GPMB và đại diện gia đình đề nghị được bồi thường toàn bộ căn nhà và cam đoan sẽ tháo dỡ toàn bộ căn nhà, đề nghị được tái định cư tại chỗ. Việc sửa chữa lại căn nhà để tiếp tục ở cho đến nay là do ông bà thực hiện.

Ông Ch trình bày:

- Việc UBND TP Uông Bí lập các phương án đền bù cho hộ gia đình ông bà là chưa thỏa đáng, vẫn còn thiếu sót một số công trình xây dựng trong nhà chưa được kiểm đếm và đền bù.

- Sở dĩ ông bà không tháo dỡ toàn bộ nhà ở như đã cam kết khi nhận tiền đền bù là vì UBND thành phố Uông Bí chưa cấp Giấy phép xây dựng cho ông bà. Khi nào UBND thành phố cấp Giấy phép xây dựng cho ông bà để ông bà có căn cứ xây nhà trên phần diện tích đất còn lại thì ông bà sẽ tháo dỡ toàn bộ nhà.

- Theo ông, hiện nay hai Quyết định phê duyệt phương án đền bù GPMB số 681 và số 819 vẫn đang còn hiệu lực. Do UBND thành phố chưa hủy hai Quyết

định trên mà đã ban hành Quyết định thu hồi tiền số 2659 của UBND thành phố là không đúng.

Vì các lý do trên, ông bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của UBND thành phố Uông Bí.

Ý kiến của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đại diện hợp pháp của Bộ Giao thông vận tải:

Dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ 18A đoạn Uông Bí - Hạ Long theo hình thức hợp đồng BOT được bộ Giao thông vận tải phê duyệt đầu tư tại Quyết định số 996/QĐ-BGTVT ngày 17/5/2011. Hiện nay dự án đã hoàn thành và thu phí từ tháng 10/2014. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Bộ GTVT, Ban Quản lý dự án 2 có trách nhiệm cân đối, cấp vốn ngân sách Trung ương trên cơ sở nhu cầu vốn, giá trị quyết toán GPMB của địa phương và TMĐT được phê duyệt của Dự án. Đối với nguồn vốn Trung ương cấp phát cho UBND thành phố Uông Bí có giá trị quyết toán là 413,495 tỷ đồng. Số tiền thành phố Uông Bí được cấp bằng với giá trị được quyết toán 413,495 tỷ đồng. Đối với số tiền 3.734.197.997đ (thu hồi của 04 hộ dân) UBND TP Uông Bí đã nộp trả lại Kho bạc Nhà nước TP Uông Bí theo Giấy nộp trả vốn đầu tư, Ban Quản lý dự án 2 đã nhận được vào các ngày 20/11/2019 và 05/3/2020. Bộ GTVT không có yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung gì trong vụ án.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 04/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, quyết định:

Căn cứ Căn cứ khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 150, khoản 1 Điều 227; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 255; Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Căn cứ điểm b Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất;

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí.

- Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Quang Ch phải liên đới hoàn trả cho Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí số tiền 739.236.600đ (bảy trăm ba mươi chín triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn, sáu trăm đồng)

Ngoài ra, bản án còn quyết định về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định.

Kháng cáo: Ngày 17/12/2020, bị đơn ông Đỗ Quang Ch và bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn UBND thành phố Uông Bí giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn ông Đỗ Quang Ch và bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp đương sự trình bày quan điểm: Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm bị đơn yêu cầu xem xét các quyết định hành chính, như vậy thuộc thẩm quyền cấp tỉnh; thẩm quyền khởi kiện là Bộ giao thông vận tải. Đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, thấy rằng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán đã chấp hành đúng các Điều 285, 286, 294 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

2) Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền lợi và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

3) Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Đỗ Quang Ch và bà Nguyễn Thị L làm trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong phạm vi bản án sơ thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết đối với bản án sơ thẩm bị kháng cáo, căn cứ Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo làm trong hạn và trong phạm vi xét xử sơ thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bộ giao thông vận tải vắng mặt, đã triệu tập lần 2, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bộ giao thông vận tải.

[2] Về nội dung kháng cáo, ông, bà Ch- L kháng cáo toàn bộ bản án.

[2.1] Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, xác định đúng quan hệ pháp luật, đủ những người tham gia tố tụng, các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo, ông Đỗ Quang Ch và bà Nguyễn Thị L đề nghị hủy bản án sơ thẩm với các lý do:

- Gia đình không đồng ý với việc nộp lại tiền truy thu theo Quyết định số 2659/QĐ-UBND ngày 4/6/2014. Gia đình đang chấp hành và nhận số tiền theo Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 26/2/2013 với số tiền 988.458.357đ và Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 07/3/2013 với số tiền 32.117.509đ.

- Đây là vụ án hành chính, không phải vụ án dân sự;
- Gia đình đã có đơn xin cấp phép xây dựng nhà mới, nhưng chưa được cấp phép, do đó không thể phá nhà đang sử dụng; Gia đình không có nơi ăn chốn ở, không có nơi làm ăn sinh sống, cuộc sống khó khăn.
- UBND thành phố hủy bỏ Quyết định cũ mà chưa thông báo đến gia đình đã ban hành quyết định mới là không đúng quy định; gia đình ông L không ký vào phương án xác nhận khối lượng tài sản giảm trừ của gia đình; Biên bản xác nhận khối lượng 15m² không có sự tham gia và xác nhận của vợ chồng ông và không chính xác với thực tế.
- Ban dự án GPMB cố tình vận động gia đình, ký tên vào đơn cam kết đền bù cả nhà, các hộ gia đình xung quanh đều được đền bù đất hành lang, riêng gia đình không được đền bù. Mặt sân, đất ở và nội thất xây dựng khi kiểm đếm còn thiếu;
- Nhà phải tháo dỡ phần chịu lực của ngôi nhà, từ trên xuống dưới mất khả năng chịu lực, không thể an toàn cho người sử dụng; Không có tài liệu nào quy định ngôi nhà 2 tầng của gia đình phải phá dỡ một phần, không ảnh hưởng đến khả năng chịu lực.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 24 Nghị định 69/2009/NĐ-CP; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 27 Quyết định 499/2020/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Quảng Ninh, Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 26/2/2013 của UBND thành phố Hạ Long là đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy:

Xét về trình tự, thủ tục đền bù, GPMB của UBND thành phố Uông Bí: Các Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 25/02/2013 thu hồi đất, quyết định 681/QĐ-UBND ngày 26/02/2013 bồi thường cho hộ bà L 988.458.357đ; Quyết định 819/QĐ-UBND ngày 07/3/2013 phê duyệt phương án bồi thường bổ sung 32.117.740đ, gia đình bà L được bồi thường 1.020.576.097đ. Các quyết định trên đã ban hành là đúng trình tự, đảm bảo theo quy định của Luật đất đai và các Nghị định số 84/2007/NĐ-CP, 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ. Sau khi nhận được các quyết định trên, ông, bà L- Ch không khiếu nại hoặc khởi kiện, thể hiện ông bà đã đồng ý với nội dung các Quyết định. ông, bà L- Ch đã nhận tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB là **1.020.576.000** đồng, trong đó có vật kiến trúc 861.773.227đ, là tiền bồi thường toàn bộ ngôi nhà.

Sau khi nhận tiền đền bù, ông, bà L - Ch đã không thực hiện việc tháo dỡ toàn bộ ngôi nhà như đã cam kết mà lại cải tạo, sửa chữa để ở cho đến nay. Vì vậy, việc UBND thành phố Uông Bí ban hành Quyết định số: 763/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 thay thế quyết định 681/QĐ-UBND ngày 26/02/2014, hỗ trợ cho gia đình bà L 292.593.089đ. Theo Quyết định này, bà L- Ch được bồi thường về đất đai, vật kiến trúc tổng cộng là 292.593.089đồng. Quyết định này cũng đã được giao trực tiếp cho ông, bà Ch - L đồng thời tiến hành niêm yết theo quy định. Mặc dù ông, bà Ch - L không đồng ý với Quyết định 763/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 nhưng ông, bà Ch - L cũng không khiếu nại hoặc khởi kiện theo quy định pháp luật nên Quyết định này có hiệu lực.

Do số tiền bồi thường theo Quyết định số: 763 có chênh lệch (giảm) so với Quyết định số: 681, nên UBND TP Uông Bí ban hành Quyết định số: 2659/QĐ-

UBND ngày 04/6/2014 thu hồi 739.236.064đ, của hộ bà L. Quyết định trên đã giao trực tiếp cho ông, bà Ch - L, ông, bà Ch - L cũng không khiếu nại hoặc khởi kiện đối với quyết định này. Sau khi ban hành quyết định này, UBND tp Uông Bí đã nhiều lần tuyên truyền vận động nhưng gia đình ông, bà Ch - L vẫn không nộp lại số tiền nêu trên vào Ngân sách Nhà nước, là đã chiếm giữ không hợp pháp, không có căn cứ pháp luật. Xét về hình thức và nội dung của Quyết định số 2659 /QĐ-UBND ngày 04/6/2014, tuy do UBND tp Uông Bí ban hành nhưng nội dung là thu hồi tiền, cụ thể là thu hồi tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB của hộ gia đình ông, bà Ch - L do chênh lệch (giảm) giữa phương án bồi thường, hỗ trợ được lập cho việc phá dỡ toàn bộ nhà và vật kiến trúc được phê duyệt tại Quyết định số: 681 với phương án bồi thường, hỗ trợ được lập theo khối lượng công trình phá dỡ và sửa chữa thực tế được phê duyệt tại Quyết định số: 763; lý do thu hồi: Do gia đình ông, bà Ch - L không phá dỡ toàn bộ nhà cửa, công trình và vật kiến trúc đã được bồi thường mà chỉ phá dỡ một phần và sửa chữa lại để tiếp tục sử dụng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Tổ tụng Hành chính và khoản 8 Điều 2 Luật khiếu nại, xác định Quyết định số: 2659 không phải là quyết định hành chính cá biệt. Vì vậy, UBND thành phố Uông Bí khởi kiện yêu cầu hộ ông bà L – Ch hoàn trả số tiền này là có căn cứ theo quy định tại Điều 255 và Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.3] Đối với quan điểm của hộ bà L về việc UBND thành phố Uông Bí phải cấp Giấy phép xây dựng nhà thì hộ bà L mới tháo dỡ nhà là không có căn cứ, bởi lẽ việc cấp Giấy phép xây dựng nhà cho hộ bà L không thuộc trình tự bồi thường, GPMB của dự án trên. Mặt khác, hộ bà L là người đề nghị được bồi thường nhà, cam kết tháo dỡ nhà trả mặt bằng cho dự án; UBND thành phố Uông Bí không cam kết cấp Giấy phép xây dựng nhà cho hộ bà L khi tiến hành bồi thường, GPMB. Hộ bà L có thể làm hồ sơ xin cấp Giấy phép xây dựng theo quy định.

[2.4] Ngày 06/6/2018, UBND thành phố Uông Bí đã thanh toán được 410.782.732.014 đồng trên tổng số vốn ứng trước là 413.628.329.733 đồng cho Bộ giao thông Vận tải, còn lại số tiền 3.734.197.997 đồng của 04 hộ dân chưa nộp lại, trong đó của hộ bà L là **739.236.600** đồng. Đến ngày 20/11/2019 và ngày 05/3/2020, UBND thành phố Uông Bí đã nộp trả toàn bộ số tiền trên vào Ngân sách Trung ương cho Bộ giao thông Vận tải. Do UBND thành phố Uông Bí đã hoàn trả lại số tiền cho Bộ Giao thông Vận tải; bà L và ông Ch là vợ chồng, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình: bà L và ông Ch có trách nhiệm chung trong việc thực hiện các nghĩa vụ phát sinh từ tài sản chung của vợ chồng. Nên ông, bà Ch - L phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền **739.236.600** đồng cho UBND thành phố Uông Bí.

Từ các phân tích trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn UBND thành phố Uông Bí là có căn cứ, do đó không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông, bà Ch - L cũng như quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp đương sự.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tòa phúc thẩm có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí sơ thẩm: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn UBND thành phố Uông Bí được chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L và ông Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ.

[4.2] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn bà L và ông Ch không được chấp nhận. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn bà L và ông Ch, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự: không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Quang Ch và bà Nguyễn Thị L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS - ST ngày 04/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 255; Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm b Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí.
- Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Quang Ch phải liên đới hoàn trả cho Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí số tiền **739.236.600đ** (Bảy trăm ba mươi chín triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn, sáu trăm đồng).
- Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Ông Đỗ Quang Ch và bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được trừ 300.000đ dự phí đã nộp theo biên lai số 0003657 ngày 22/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí. Trả lại ông, bà Đỗ Quang Ch và bà Nguyễn Thị L 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0003658 ngày 22/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành trả tiền thì phải chịu lãi

suất tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Tòa án nhân dân Tp. Uông Bí;
- Chi cục THA dân sự Tp. Uông Bí;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Thắng

